

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **875**/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày **08** tháng **3** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo, quy mô: 160 giường của Ban
Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo, quy mô: 160 giường tại Biên bản phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định (Hội đồng họp vào ngày 22 tháng 12 năm 2021);

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo, quy mô: 160 giường đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 231/BQLDADDCN-QLDA ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1047/TTr-STNMT ngày 22 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo, quy mô: 160 giường (sau đây gọi là dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thực hiện tại số 1, Quốc lộ 50, ấp Bình Thạnh, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp có các trách nhiệm sau đây:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Bình Điền và Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp căn cứ Quyết định thi hành. / *Như*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, Nguyễn. *Trang*

KT. CHỦ TỊCH *Moa*
PHÓ CHỦ TỊCH -



Phạm Văn Trọng

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án
Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo, quy mô: 160 giường
(Kèm theo Quyết định số 875 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.
- Địa điểm thực hiện dự án: số 1, Quốc lộ 50, ấp Bình Thạnh, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
- Quy mô/công suất: 160 giường bệnh.
- Quy trình khám, chữa bệnh:

Bệnh nhân có thể bảo hiểm y tế → Đăng ký → Phòng khám chuyên khoa (1) → Chỉ định cận lâm sàng (Xét nghiệm, siêu âm, X.quang, nội soi, điện tim) hoặc chuyển viện lên tuyến trên nếu bệnh nặng → Nhận kết quả quay về phòng khám chuyên khoa (1) → Chẩn đoán, kê đơn thuốc hoặc nhập viện điều trị → Nhận toa thuốc → Quầy thu viện phí → Quầy cấp phát thuốc bảo hiểm y tế → Ra về.

Bệnh nhân khám dịch vụ → Đăng ký → Quầy thu viện phí → Phòng khám chuyên khoa (1) → Chỉ định cận lâm sàng (Xét nghiệm, siêu âm, X.quang, nội soi, điện tim) hoặc chuyển viện lên tuyến trên nếu bệnh nặng → Nhận kết quả quay về phòng khám chuyên khoa (1) → Chẩn đoán, kê đơn thuốc hoặc nhập viện điều trị → Nhận toa thuốc → Ra về.

- Các hạng mục công trình chính: Khối số 1: Khoa khám + Y tế dự phòng + Y học cổ truyền + Khoa dược; khối số 2: Khoa cấp cứu; khối số 3: Khoa sản - ngoại; khối số 4: Khoa nhi; khối số 5: Khoa nhiễm + Khoa nội; khối số 9: Khu hành chính; khối số 11: Khoa xét nghiệm - X.Quang.

+ Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ, nhà đại thể, nhà xe, sân bóng chuyên.

+ Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm, 16 bể tự hoại 03 ngăn, tổng thể tích 164 m³, hệ thống xử lý chất thải y tế bằng phương pháp hấp tiệt trùng bằng hơi nước bão hoà ở nhiệt độ cao kết hợp với nghiền cắt, công suất 30 kg/giờ; khu chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 24m²; khu chứa chất thải y tế nguy hại, diện tích 30m² (khu chứa chất thải lây nhiễm, diện tích 15m², khu chứa chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm diện tích 15m²).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

a) Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Bụi và khí thải: phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, từ quá trình thi công xây dựng (quá trình san gạt mặt bằng, đào đắp đất; các phương tiện thi công; quá trình chà nhám hoàn thiện các hạng mục; quá trình hàn trong hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị,...).

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân, nước thải từ hoạt động thi công xây dựng.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; chất thải xây dựng và chất thải nguy hại từ quá trình thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực dự án.

+ Mùi hôi phát sinh từ khu vệ sinh, khu vực lưu chứa chất thải, khu vực xử lý nước thải.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên y tế, bệnh nhân, người thân bệnh nhân,...

+ Nước thải y tế phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh, vệ sinh các dụng cụ y tế,...

+ Chất thải rắn thông thường, chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm từ hoạt động khám chữa bệnh.

b) Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Nước thải xây dựng: Lưu lượng phát sinh khoảng 1,8 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải xây dựng chủ yếu là chất rắn lơ lửng, cát, sạn, dầu mỡ khoáng.

+ Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng phát sinh khoảng 2,6 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng Coliforms.

- Giai đoạn vận hành: Tổng lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 69 m³/ngày, gồm:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt (vệ sinh, ăn uống,...) của nhân viên y tế, bệnh nhân, người thân bệnh nhân,... Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng Coliforms.

+ Nước thải y tế: Phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh, vệ sinh các dụng cụ y tế,... Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải khoảng: pH: 7,2, BOD₅: 65 mg/l, COD: 146,7 mg/l, TSS: 56 mg/l, Sunfua (tính theo H₂S): 2,5 mg/l, Amoni (tính theo N): 52,3 mg/l, Nitrat (tính theo N): 0,41 mg/l, Phosphat (tính theo P): 3,99 mg/l, Coliform: $9,2 \times 10^6$ MPN/100ml.

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị có chứa các thông số ô nhiễm gồm: Bụi, NO_x, SO₂, CO, VOC,...

+ Bụi và khí thải từ quá trình thi công xây dựng (quá trình san gạt mặt bằng, đào đắp đất; các phương tiện thi công; quá trình chà nhám hoàn thiện các hạng mục; quá trình hàn trong hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị,...) có chứa các thông số ô nhiễm gồm: Bụi, NO_x, SO₂, CO,...

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực dự án có chứa các thông số ô nhiễm gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

+ Mùi hôi phát sinh từ khu vệ sinh, khu vực lưu chứa chất thải, hệ thống xử lý nước thải có chứa các thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, NH₃,...

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 175 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: các loại thực phẩm thải bỏ, vỏ đồ hộp, giấy thải,....

+ Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 706 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: sắt thép vụn, xi măng, cát rơi vãi, bao bì đựng vật liệu thải, gỗ thải,...

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn thông thường: Tổng khối lượng khoảng 83.780 kg/năm, bao gồm:

Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 83.170 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn thừa, giấy vụn, bao nylon, vỏ lon, chai thủy tinh thải,....,

Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn sau khi xử lý bằng phương pháp hấp tiệt trùng thành chất thải rắn thông thường không thuộc danh mục chất thải y tế nguy hại phục vụ mục đích tái chế,... theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế. Khối lượng phát sinh khoảng 610 kg/năm.

+ Chất thải lây nhiễm: Tổng khối lượng khoảng 4.343,6 kg/năm; bao gồm:

Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: khối lượng khoảng 384 kg/năm, thành phần chủ yếu gồm: kim tiêm; bơm liên kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu; lưỡi dao mổ; đinh, cưa dùng trong phẫu thuật và các vật sắc nhọn khác.

Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn và chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Khối lượng khoảng 4.059,6 kg/năm, thành phần chủ yếu gồm: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly, mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm ...

Chất thải giải phẫu: Mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ.

đ) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 0,69 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu mỡ, thùng chứa dầu nhớt thải, dầu nhớt thải, sơn thải, cặn sơn thải,...

- Giai đoạn vận hành: Khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh khoảng 180 kg/năm. Thành phần chất thải chủ yếu gồm: Hóa chất thải bỏ, thiết bị y tế bị vỡ, hỏng (nhiệt kế thủy ngân), chất hàn răng Almagam, dược phẩm hết hạn và chất thải nguy hại khác (hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải, các loại thủy tinh hoạt tính thải, bao bì cứng bằng kim loại thải, giẻ lau, vải dính dầu mỡ, các loại dầu mỡ thải,...); chất thải phóng xạ do rửa phim, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

a) Về thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng các bể tự hoại 03 ngăn của nhà vệ sinh ở khối y tế dự phòng để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, hệ số K = 1,2).

+ Nước thải xây dựng: Được thu gom dẫn vào bể lắng có thể tích khoảng 1,5 m³ để lắng cát sạn, chất rắn lơ lửng, sau đó thải vào hệ thống thu gom nước mưa ven Quốc lộ 50.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, hệ số K_q = 0,9, K_f = 1,2).

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Được thu gom và xử lý sơ bộ bằng 16 bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120 m³/ngày.đêm để xử lý theo quy định.

+ Nước thải y tế: Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm, toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm. Quy trình xử lý như sau: Nước thải → Bể điều hòa → Ngăn yếm khí (Anaerobic) → Ngăn thiếu khí (Anoxic) → Ngăn hiếu khí (Oxic) → Bể phản ứng → Thiết bị vi lọc băng tải → Kênh Gò Bó.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, hệ số K = 1,2).

b) Về thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Được nêu tại điểm B mục 3.1.2.2 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động của các phương tiện giao thông: Được nêu tại điểm A1 mục 3.2.2.1 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ nhà vệ sinh, khu vực tập trung chất thải rắn, khu vực xử lý nước thải: Được nêu tại điểm A3 mục 3.2.2.1 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải lây nhiễm, chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Phân định, phân loại, lưu giữ vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải y tế phát sinh của dự án (chất thải lây nhiễm, chất thải rắn thông thường), bảo đảm các yêu cầu vệ sinh môi trường, tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

+ Đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý chất thải rắn bằng phương pháp hấp tiệt trùng bằng hơi nước bão hoà ở nhiệt độ cao kết hợp với nghiền cắt, công suất 30 kg/giờ để xử lý 01 phần chất thải lây nhiễm không sắc nhọn thành chất thải rắn thông thường.

+ Bố trí khu chứa chất thải lây nhiễm, diện tích 15 m², khu chứa chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế, diện tích 24 m².

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn triển khai xây dựng: Toàn bộ chất thải nguy hại được phân định, phân loại và lưu giữ trong các thùng lưu chứa chất thải nguy hại; phối hợp với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Bố trí khu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm, diện tích 15 m². Thực hiện quản lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

đ) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Được nêu tại điểm A mục 3.1.2.3 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Giai đoạn vận hành dự án: Được nêu tại điểm A mục 3.2.2.2 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

e) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình kỹ thuật; vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; các thiết bị trong mỗi bể xử lý như máy bơm, máy thổi khí,.. được bố trí dự phòng với số lượng từ 02 thiết bị trở lên để kịp thời thay thế trong trường hợp thiết bị đang vận hành bị hư; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng để phát hiện sự cố một cách sớm nhất; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt

động của hệ thống xử lý; nhân viên vận hành được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố.

- Sự cố khác: Được nêu tại mục 3.2.2.3 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Tên hạng mục, công trình	Số lượng
1	Khu lưu chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 24 m ²	01
2	Khu chứa chất thải lây nhiễm, diện tích 15 m ²	01
3	Khu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm, diện tích 15 m ²	01
4	Hệ thống xử lý chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bằng phương pháp hấp tiệt trùng bằng hơi nước bão hoà ở nhiệt độ cao kết hợp với nghiền cắt, công suất 30 kg/giờ, diện tích 36 m ²	01
5	Bể tự hoại 03 ngăn	16 bể, tổng thể tích 164 m ³
6	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120m ³ /ngày đêm	01

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

a) Giai đoạn thi công, xây dựng dự án

- Giám sát nước thải xây dựng:

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu sau hồ lắng tại vị trí thải nước thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Thông số giám sát: pH, COD, TSS, dầu mỡ khoáng.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, hệ số K_q = 0,9, K_f = 1,2).

- Giám sát chất thải rắn:

+ Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải, phân loại.

+ Vị trí giám sát: tại khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

b) Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Giám sát nước thải hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm:

- Vị trí, thông số, tần suất giám sát: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, hệ số K = 1,2).

c) Giai đoạn vận hành thương mại

Giám sát nước thải:

- Vị trí: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 120m³/ngày đêm.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, Tổng Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, hệ số K = 1,2).

+ Giám sát chất thải rắn:

Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải, phân loại.

Vị trí giám sát: tại khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và khu lưu trữ chất thải nguy hại.

Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, an toàn trong hoạt động khám chữa bệnh, phòng chống cháy, nổ và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện phương án giảm thiểu lây nhiễm chéo của bệnh truyền nhiễm, bố trí khu vực điều trị khi có dịch bệnh hợp lý, đảm bảo an toàn, không làm lây nhiễm đến bệnh nhân, nhân viên y tế và người dân xung quanh./.